

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hoàn**.

Ông **Nguyễn Đức Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: Thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ: Bà **Ngô Thị T**.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 15/9/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Đ chơi bời, cờ bạc, lô đề, không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng luôn xảy ra cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Tháng 9/2017, chị nộp đơn xin ly hôn anh Đ đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng. Tuy nhiên, anh Đ lẩn tránh gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án, chị đành rút đơn về. Từ đó, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, chị bế con về nhà để ở được khoảng một năm thì gia đình anh Đ đến đón con về. Sau đó anh Đ đi xuất khẩu lao động, chị không được biết và anh cũng không liên lạc với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 01/8/2011, hiện con đang ở với bà nội là bà Ngô Thị T. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên, thông qua gia đình anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi con nên chị nhất trí giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/1tháng. Trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao con cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Ngô Thị T (mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết, anh Đ có quan điểm khi nào về Việt Nam anh mới giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị L phải có trách nhiệm với con. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho bà T chăm sóc con chung và anh có trách nhiệm gửi tiền về cho bà, anh không đồng ý cho bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà T xác định từ năm 2014 và năm 2017 chị L đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài đến năm 2020 thì về nước. Tuy nhiên, lần thứ hai chị L đi nước ngoài, anh Đ không đồng ý nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau khi về nước chị L không về gia đình bà mà về thẳng nhà đẻ ở, chị L không chung thủy với anh Đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Đ.

Tòa án xác minh tại khu dân cư và chính quyền địa phương nơi chị L, anh Đ đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị L và anh Đ đều có thời gian lao động ở nước ngoài, vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, hiện anh Đ vẫn đang

lao động tại Đài Loan không có mặt ở địa phương, chị L sau khi về nước về thẳng nhà để ở và không còn chung thủy với anh Đ. Nay chị L có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị L và anh Đ là cháu Nguyễn Mạnh D có nguyện vọng được ở với anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng; bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mạnh D cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/1 tháng. Tạm giao con Nguyễn Mạnh D cho bà Ngô Thị T nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh Đ ở nước ngoài. Chị L phải chịu án phí về hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị L sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn M, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện anh Đ đang lao động tại Đài Loan, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ ở Đài Loan. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh Đ. Gia đình đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh Đ. Một số lần Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T, bà T không nhận văn bản, không ký vào biên bản cấp, tổng đạt, đồng thời không ký vào biên bản ghi lời khai. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Đ và bà T vắng mặt. Chị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C,

tỉnh Hải Dương vào ngày 15/9/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Đ chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng luôn xảy ra xô xát, cãi vã và không tôn trọng lẫn nhau. Anh Đ hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng cắt đứt không liên lạc với chị. Thông qua gia đình, anh Đ có quan điểm khi nào về nước anh mới giải quyết ly hôn. Tuy nhiên do mâu thuẫn vợ chồng, năm 2017 chị L đã làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, nhưng chưa được Tòa án giải quyết do anh Đ lẩn tránh gây khó khăn nên chị L rút đơn về. Sau khi rút đơn về tỉnh cảm vợ chồng không được cải thiện, chị L tiếp tục có đơn xin ly hôn, anh Đ tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng mà có quan điểm khi nào về nước mới giải quyết ly hôn chứng tỏ anh cũng không còn tình cảm với chị, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết xin ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn Đ có một con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 01/8/2011, hiện đang ở với bà nội. Thông qua gia đình anh Đ có quan điểm được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và yêu cầu chị L có trách nhiệm với con. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, anh Đ ủy quyền cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng con chung, bà T nhất trí nhận sự ủy quyền chăm sóc con chung của anh Đ. Xét thấy, chị L có quan điểm nhất trí để anh Đ nuôi dưỡng con chung và con chung Nguyễn Mạnh D cũng có nguyện vọng được ở với anh Đ và bà nội, chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi con thành niên và nhất trí giao con cho bà T nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Nguyễn Mạnh D cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/1 tháng cho đến khi con thành niên. Trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Mạnh D cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 01/8/2011 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi con là 1/000.000đ/1tháng kể từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao con chung Nguyễn Mạnh D cho bà Ngô Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị Đặng Thị L chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005833 ngày 08/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị L và bà Ngô Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường